

ĐỀ XUẤT VỀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

VŨ QUANG MẠNH*

Ngày nhận bài: 16/09/2016; ngày sửa chữa: 18/09/2016; ngày duyệt đăng: 19/09/2016.

Abstract: Based on the survey on international and local higher education, the article proposes a project on higher education management innovation in Vietnam. The objective of the project is to survey management policies and structure systems of universities in advanced countries with aim to learn appropriate experiences for Vietnam higher education. Also, key goal of this project is to promote potentials and foster education reform in Vietnam to improve human resources to meet requirements of socio-economic development.

Keywords: Education management, management innovation, Vietnam Higher Education.

1. Đặt vấn đề

Từ khởi đầu là quá trình đổi mới trong hệ thống quản lý kinh tế, nước Việt Nam đồng thời đã đạt được những bước tiến bộ đáng kể trong cải cách giáo dục đại học (GDĐH). Tuy nhiên GDĐH Việt Nam cũng đồng thời đối mặt với những thách thức to lớn, phát sinh từ chính sự phát triển của KT-XH và của quá trình hội nhập toàn cầu.

Một trong những vấn đề cấp thiết nhất của GDĐH Việt Nam là sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chính quá trình đổi mới GDĐH của Việt Nam. Số liệu thống kê về hệ thống GDĐH và cao đẳng Việt Nam cho thấy: 1) Giai đoạn 2005-2007 ở Việt Nam, đã có khoảng 69 trường đại học (ĐH) và 28 trường cao đẳng được thành lập; 2) Mặc dù có sự gia tăng đáng kể số lượng các trường ĐH và cao đẳng, nhưng giảng viên ĐH luôn than phiền về chất lượng của giáo dục Việt Nam; 3) Một trong những vấn đề đáng lo ngại nhất ở các trường ĐH Việt Nam chính là số lượng và trình độ của giảng viên.

Theo xếp hạng của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2014-2015, Việt Nam đứng thứ 68 trong 144 quốc gia được xếp hạng về khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên, cũng theo đánh giá này, Việt Nam chỉ được xếp thứ 96 về đào tạo và GDĐH. Một trong những vấn đề chính của hoạt động sản xuất kinh doanh ở Việt Nam là sự không đáp ứng và chưa phù hợp của nguồn nhân lực được đào tạo ở Việt Nam [1, 2, 3].

Rõ ràng là, yêu cầu cải cách nền giáo dục Việt Nam mà trong đó vấn đề quản lý GDĐH và đào tạo nguồn nhân lực đang trở nên cấp thiết, đặc biệt từ khi Việt Nam gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Do có nhận thức rất rõ về vấn đề này, lại được sự đồng

thuận và hưởng ứng tích cực của các trường ĐH, Chính phủ Việt Nam đã đặt nhiệm vụ cải cách hệ thống quản lý GDĐH như là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Đề án đổi mới GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020 [4,5,6].

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Các số liệu và phân tích được thu thập và khảo sát trên cơ sở tài liệu, sách giáo khoa, bài báo khoa học và ngân hàng dữ liệu của Việt Nam và quốc tế. Các chương trình đào tạo của Việt Nam và quốc tế được tham khảo, phân tích, xử lý và so sánh [7, 8].

Số liệu phân tích được khảo sát và thu thập trong thời gian nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở ĐH của Việt Nam, và một số quốc gia trên thế giới [9], bao gồm: 1) ĐH Arizona, Tucson, Hoa Kỳ (2005-2006); 2) ĐH Chungbuk, Hàn Quốc (2009); 3) ĐH Göttingen, CHLB Đức (2010), và ĐH tổng hợp Sofia, Bulgaria, năm (2014-2015).

3. Kết quả khảo sát nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khảo sát đào tạo ĐH ở Hàn Quốc: Trường ĐH Ngoại ngữ Hankuk

Trường ĐH ngoại ngữ Hankuk ở Seoul (Hankuk University of Foreign Studies), Hàn Quốc. Ban đầu, cơ sở đào tạo ĐH này được xây dựng nhằm đào tạo về văn hóa và ngôn ngữ nước ngoài. Trường bao gồm một số trường thành viên chính, với chức năng đào tạo văn hóa và ngôn ngữ nước ngoài như sau: 1) Trường nghiên cứu Hoa Kỳ và Tây Âu học; 2) Trường nghiên cứu Trung và Đông Âu học; 3) Trường nghiên cứu Á - Phi.

Chương trình học là những nội dung luôn được cập nhật và mở rộng, đào tạo theo định hướng linh

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

hoạt và theo yêu cầu. Chương trình đào tạo không bị bó hẹp chỉ vào ngôn ngữ, mà được xây dựng linh hoạt và đa dạng, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Trường ĐH ngoại ngữ Hankuk ban đầu vốn được định hướng tương đối hẹp chỉ đào tạo ngoại ngữ, nhưng đã phát triển vượt ra ngoài định hướng ban đầu, mở rộng theo hướng đào tạo đa ngành chuyên về văn hóa và khoa học nhân văn, với hạt nhân phát triển là đào tạo ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.

Hiện nay, ngoài các trường thành viên gắn liền với đào tạo nghiên cứu chuyên về ngôn ngữ, hiện trường phát triển thêm nhiều thành viên đào tạo khác, bao gồm: - Trường Khoa học xã hội nhân văn; - Trường Khoa học tự nhiên; - Trường Kinh tế kinh doanh; - Trường Kỹ thuật và công nghệ thông tin.

3.2. Khảo sát đào tạo ĐH ở Hoa Kỳ: Trường ĐH đa ngành Arizona

3.2.1. Tổ chức của trường ĐH Arizona. ĐH Arizona là trường ĐH công, một trong các trung tâm ĐH lớn và có uy tín của Hoa Kỳ. Trường ĐH nằm ở thành phố Tucson, thuộc tiểu bang Arizona, phía Tây Nam Hoa Kỳ. ĐH Arizona được tổ chức theo mô hình ĐH đa ngành, với các trường thành viên (College hay School) một số bộ môn độc lập (Department) và cơ sở đào tạo liên kết (Vũ Quang Mạnh, 2006) [9].

Nếu không kể trường dự bị ĐH là thành viên có nhiều sinh viên nhất với khoảng 7 nghìn rưỡi học viên, nói chung các trường thành viên lớn của ĐH Arizona có số sinh viên 1-6 nghìn, bao gồm các cơ sở đào tạo sau: ĐH Khoa học xã hội hành vi (5660 học viên), ĐH Quản trị kinh doanh và Quản lý hành chính (4570 học viên), ĐH Khoa học (2810 học viên), ĐH Công nghệ, khoảng 2800 học viên, ĐH Văn hóa nghệ thuật, khoảng 2100 học viên, ĐH Nông nghiệp và khoa học sự sống (1900 học viên), ĐH Giáo dục (1800 học viên), ĐH nhân văn (1070 học viên).

Các trường thành viên của ĐH Arizona có số sinh viên theo học ít hơn, thường là dưới 1000, bao gồm: ĐH Luật khoa (470 học viên), ĐH Y khoa (420 học viên), ĐH Kiến trúc (400 học viên), ĐH Thông tin (390 học viên), ĐH Khoa học dinh dưỡng (290 học viên), ĐH Dược khoa (260 học viên), ĐH sức khoẻ cộng đồng (130 học viên), ĐH Quan hệ quốc tế (70 học viên).

Ngoài ra, tham gia trong cơ cấu hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu của trường còn có nhiều cơ sở nghiên cứu và đào tạo triển khai như bệnh viện, viện bảo tàng khoa học - lịch sử - dân tộc - nghệ thuật, nhà hát biểu diễn, rạp chiếu bóng, sân vận động thi đấu bóng, một

số tổ hợp sản xuất hay nhà máy, trang trại chăn nuôi hay trồng trọt.

3.2.2. Đào tạo ĐH và sau ĐH. Chương trình giảng dạy của trường ĐH Arizona có 327 chuyên ngành khác nhau, trong đó có 212 chuyên ngành đào tạo bậc ĐH; và 115 chuyên ngành đào tạo sau ĐH bậc thạc sĩ, bao gồm 82 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

Muốn vào học bậc ĐH ở Hoa Kỳ, thì yêu cầu đầu tiên là thí sinh phải có bằng tốt nghiệp THPT. Bằng THPT của Việt Nam cũng được công nhận ở Hoa Kỳ. Điều kiện để vào học ĐH Arizona và ĐH Hoa Kỳ nói chung là, thí sinh phải qua được kì thi tuyển ĐH hệ SAT (Scholastic Aptitude Test). Tuy nhiên, để có thể thu hút sinh viên quốc tế theo học, việc nhận học có thể linh hoạt thay đổi.

Nói chung muốn được là giảng viên của trường ĐH, trước hết phải có bằng cấp tối thiểu là tiến sĩ (PhD.). Tỷ lệ giữa sinh viên và giáo sư ở trường ĐH Arizona trung bình là 19/1. Để nâng cao trình độ giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu của giảng viên, ngoài lực lượng giáo viên cơ hữu của mình ĐH Arizona có mời các giáo sư thỉnh giảng (Visiting Professor) hay nhà nghiên cứu được mời (Visiting Research Scholar), đến từ các viện nghiên cứu và trường ĐH trong nước và quốc tế. Đáng chú ý là, ở ĐH Arizona (Hoa Kỳ) cũng như ở ĐH Göttingen (CHLB Đức), việc luân chuyển cơ sở đào tạo là bắt buộc. Nghĩa là, việc làm luận án tiến sĩ, nghiên cứu sau tiến sĩ của giảng viên ĐH, thường thực hiện ở các trường ĐH khác nhau.

3.2.3. Đào tạo sau ĐH và nghiên cứu khoa học. Trong các trường ĐH Hoa Kỳ, những chuyên gia và giáo sư giỏi và có uy tín thường chủ trì nhiều dự án hay đề tài nghiên cứu khoa học, do được chỉ định hay mời, hoặc do đăng kí cạnh tranh mà có được. Chính vì có nhiều nguồn kinh phí nghiên cứu, nên những giáo sư này có thể thu hút và đào tạo nhiều sinh viên và học viên sau đại (thạc sĩ hay tiến sĩ). Đây chính là lực lượng nghiên cứu khoa học quan trọng, mà qua việc thực hiện từng nội dung nghiên cứu để hoàn thành các luận văn thạc sĩ hay tiến sĩ của mình.

Ở trường ĐH luôn có một quy chế rõ ràng và được luật hóa về việc giảng viên hướng dẫn sinh viên ĐH và sau ĐH tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Về số lượng học viên sau ĐH mà một giáo sư có thể đồng thời hướng dẫn, cũng cần quan tâm. Ở các trường ĐH như ĐH Arizona (Hoa Kỳ) hay ĐH Göttingen (CHLB Đức), thì số lượng đó là không hạn chế, và chỉ phụ thuộc vào đề tài và kinh phí nghiên cứu mà giáo sư có thể tiếp cận.

Điều quan trọng và nhất thiết phải có là, muốn hướng dẫn học viên sau ĐH thì giáo sư ĐH (Hoa Kỳ, CHLB Đức hay Hàn Quốc) trước hết cần có nguồn kinh phí, được cấp từ các đề tài nghiên cứu của mình. Bằng cách đó, mà nhà trường cùng giáo viên hướng dẫn có thể đảm bảo nhu cầu tối thiểu cho sinh hoạt và nghiên cứu của học viên sau ĐH. Rõ ràng là, giáo sư ĐH đồng thời phải là một nhà nghiên cứu giỏi, có trình độ khoa học cơ bản và có khả năng ứng dụng thực tế.

3.2.4. Nhận xét về đào tạo và định hướng phát triển ở ĐH ở Hoa Kỳ: ĐH Arizona, được hình thành và đang phát triển là một ĐH đa ngành. Để thu hút người học, chương trình đào tạo ĐH có thể được thiết kế rất đa dạng và linh hoạt. Các cơ sở hỗ trợ đào tạo, phục vụ nghiên cứu triển khai là không thể thiếu, rất đa dạng và phong phú. Trình độ tối thiểu của giảng viên ĐH là bậc tiến sĩ, trong đó tỉ lệ số lượng giữa giáo sư và sinh viên là một chỉ số quan trọng đánh giá chất lượng đào tạo của trường ĐH.

Đào tạo sau ĐH của giảng viên luôn gắn liền với yêu cầu thực tế, thông qua các đề tài và hợp đồng nghiên cứu. Giảng viên ĐH trước hết phải là một nhà nghiên cứu thực tiễn, có đề tài và kinh phí nghiên cứu.

3.3. Khảo sát đào tạo ĐH ở Cộng hòa Bulgaria

3.3.1. Cơ sở pháp luật và phương thức đào tạo

Cộng hòa Bulgaria đang thực hiện nhiều cải cách trong hệ thống giáo dục và đào tạo, bao gồm đào tạo ĐH và sau ĐH. Bộ luật về GDĐH mới được thông qua, năm 2013 (ЗАКОН ЗА РАЗВИТИЕТО НА АКАДЕМИЧНИЯ СЪСТАВ В РЕПУБЛИКА БЪЛГАРИЯ: Обн. ДВ. бр.38 от 21 Май 2010г., изм. ДВ. бр.81 от 15 Октомври 2010г., изм. ДВ. бр.101 от 28 Декември 2010г., изм. ДВ. бр.68 от 2 Август 2013г).

Các trường ĐH của Bulgaria tiếp nhận tất cả các thí sinh đã có bằng tốt nghiệp phổ thông. Sinh viên học ĐH ở Bulgaria có thể chọn theo học ĐH theo 3 phương thức là: Chính quy, Tại chức hay Đào tạo từ xa.

3.3.2. Các bậc đào tạo

Đào tạo ĐH và sau ĐH ở nước cộng hòa Bulgaria gồm 3 bậc:

- Bậc I: Chương trình đào tạo ĐH chính quy học 4 năm. Sau khi học xong chương trình 4 năm, sinh viên được cấp bằng cử nhân ĐH.

- Bậc II: Chương trình đào tạo thạc sĩ bao gồm những sinh viên theo học chương trình đào tạo ĐH chính quy trong 5 năm, với luận văn nghiên cứu và

được bảo vệ. Ngoài ra, những sinh viên đã theo học chương trình đào tạo ĐH chính quy 4 năm, đã được cấp bằng cử nhân, cũng có thể được cấp bằng thạc sĩ. Những học viên này cần có thêm ít nhất 1 năm hoàn thành luận văn nghiên cứu và được bảo vệ.

- Bậc III: Chương trình đào tạo tiến sĩ là 3 năm, tiếp nhận các học viên đã có bằng thạc sĩ. Sau khi học viên học đủ các chương trình đào tạo và hoàn thành luận án nghiên cứu khoa học, sẽ được cấp bằng tiến sĩ. Học viên theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ ở Cộng hòa Bulgaria có thể theo 4 phương thức là: Chính quy, Tại chức, Đào tạo từ xa, hay Tự thực hiện luận án mà không cần giáo sư hướng dẫn.

Chương trình đào tạo tiến sĩ chính quy, do học viên tự thực hiện mà không có giáo sư hướng dẫn cần hoàn thành trong 3 năm. Học viên theo chương trình này phải có bằng thạc sĩ. Chương trình đào tạo tiến sĩ tại chức kéo dài 4 năm. Học viên theo chương trình này phải có bằng thạc sĩ. Đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ thực hiện theo các lĩnh vực nghiên cứu.

4. Khảo sát GDĐH ở Việt Nam - cơ hội và thách thức

Giáo dục là nền móng quan trọng cho sự phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt là một nước như Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB 2001) cho rằng, giáo dục là một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của quốc gia, bởi vì "mọi người học để sáng tạo những cơ chế mới, sử dụng các công nghệ hiện đại, thích ứng với môi trường sống của mình và từ đó thay đổi hành vi sống" [10, 11]. Việt Nam đã trải qua một giai đoạn phát triển nhanh và khá bền vững, kể từ khi chuyển mình sang giai đoạn kinh tế thị trường, thời kỳ *Đổi mới*, từ năm 1986. Trong giai đoạn này, đất nước đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực giáo dục, trong đó có quản lý GDĐH [12, 6, 13].

Có thể khái quát một số thành tựu mà GDĐH Việt Nam đã giành được, trong một số lĩnh vực như sau: 1) Đã định hướng phát triển của GDĐH nhằm đáp ứng những ưu tiên và yêu cầu của sự phát triển kinh tế và xã hội; 2) Đã chuyển hướng GDĐH từ một nền giáo dục có tính "tinh hoa" (*elite education*) sang giáo dục "đại chúng và phổ cập" hơn (*universal education*), nhờ việc đa dạng hóa và tư nhân hóa trong quản lý GDĐH; 3) Dẫn nâng cao và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nhờ quá trình đa dạng hóa ngành học, tiếp thu công nghệ mới và mở rộng hợp tác quốc tế và khu vực.

Các phân tích số liệu cho thấy (Bộ GD-ĐT, 2009), hiện Việt Nam có khoảng 160 trường ĐH và 209

trường cao đẳng, với khoảng 1,6 triệu sinh viên và 56.120 giảng viên. Trong số đó có khoảng 10,5% giảng viên là có bằng tiến sĩ, và khoảng 36,1% là thạc sĩ. Mặc dù đã thu được nhiều tiến bộ, nhưng GDĐH Việt Nam còn đối mặt với nhiều vấn đề, phát sinh từ bản thân sự phát triển kinh tế trong tiến trình hội nhập toàn cầu của đất nước. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông và có thể tiếp tục vào học trong các trường ĐH của Việt Nam còn thấp, so với các nước có nền ĐH tốt ở trong vùng, như CHND Trung Hoa, Malaysia, Philippines và Thái Lan. Ngoài ra, Việt Nam cũng là nước có tỉ lệ thấp ở trong vùng, xếp theo tỉ lệ học sinh trong lứa tuổi ĐH được học ĐH. Tương ứng chỉ chiếm khoảng 10%, so với CHND Trung Hoa là 15%, Thái Lan là 41%, và Hàn Quốc là 89%.

Khảo sát của Quỹ Giáo dục Việt Nam (*Vietnamese Education Foundation*) năm 2006 cho thấy, ngoài những thách thức khác thì GDĐH Việt Nam đang đối mặt với một số vấn đề sau:

- Dường như chưa có những định hướng, những nội dung và mục tiêu giáo dục rõ nét ở cấp nhà trường, cấp khoa và bộ môn, cũng như ở chương trình và môn học;

- Chưa có các phương pháp và tư liệu hướng dẫn và giảng dạy cụ thể và hiệu quả;

- Giảng viên đứng lớp có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ chưa cao hoặc chưa được đào tạo đầy đủ.

Trên cơ sở đó Ngân hàng Thế giới (*The World Bank*) đã có một số khuyến nghị cho nền GDĐH Việt Nam [4, 12], bao gồm:

- Cần có những cải tiến trong chương trình và phương pháp dạy học;

- Đổi mới các cơ chế tài chính và xây dựng chính sách để cho các trường ĐH được chủ động và chịu trách nhiệm hơn về tài chính, thu hút đội ngũ giảng viên và sắp xếp cơ cấu tổ chức;

- Từng bước dần áp dụng các chuẩn mực tiêu chí GDĐH mà các nước phát triển tiên tiến đang sử dụng đồng thời áp dụng các hệ thống đào tạo tín chỉ có chất lượng quốc tế.

Một trong những vấn đề mấu chốt của GDĐH chính là quản lý và điều hành nó. Vai trò của quản lý và điều hành GDĐH chủ yếu là xây dựng các chính sách, cơ chế và quy trình; theo đó, giảng viên ĐH có thể định hướng và nâng cao khả năng của bản thân và đáp ứng giảng dạy theo những phương thức cải cách mới; sao cho chúng phù hợp hơn với các yêu cầu của sự phát triển kinh tế, môi trường và xã hội hiện đại. Theo khảo sát của Ngân

hàng Thế giới [13], thì những thách thức chính mà nền GDĐH Việt Nam đang đối mặt bao gồm:

- Vai trò của quản lý nhà nước và quản lý tự chủ của bản thân mỗi trường ĐH;

- Nhưng thách thức lớn nhất cho cả hai phía quản lý nhà nước và quản lý tự chủ của bản thân trường ĐH chính là, chất lượng GDĐH.

Một thực tế đang tồn tại là, có rất nhiều cán bộ lãnh đạo và quản lý giáo dục, nhà khoa học và quản lý hành chính lại không hề có nhiều kinh nghiệm và thực tế về công tác quản lý hành chính và giáo dục. Vì vậy, kết quả là những cán bộ này không hội tụ đủ những kiến thức và kĩ năng cần thiết khả dĩ giúp họ có thể đẩy nhanh quá trình và cách thức cải cách hệ thống GDĐH [5, 6, 7, 9]. Rõ ràng là nhu cầu về cải cách GDĐH Việt Nam, mà trước hết là cải cách quản lý GDĐH là rất cần thiết.

5. Đề xuất một dự án về đổi mới quản lý GDĐH của Việt Nam

Một dự án nghiên cứu về "*Quản lý GDĐH Việt Nam - Những bài học và kinh nghiệm cần nghiên cứu từ một nền giáo dục quốc tế tiên tiến*" với trọng tâm là quản lý giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực là rất cấp thiết, góp phần giải quyết một số thiếu hụt của nền GDĐH Việt Nam, qua việc khảo sát phân tích và so sánh chính sách và cấu trúc của một hệ thống giáo dục quốc tế và hiện đại.

5.1. Mục tiêu và nhiệm vụ. Mục tiêu của dự án là khảo sát tìm hiểu các cơ chế tổ chức và chính sách của một hệ thống GDĐH quốc tế hiện đại, nhằm chọn ra những kinh nghiệm và bài học nào có thể ứng dụng vào nền GDĐH Việt Nam, và những phương thức tiếp cận nào tốt nhất có thể áp dụng vào nền GDĐH Việt Nam. Trọng tâm của dự án là nhằm xây dựng nguồn nhân lực tiềm năng, góp phần cho công cuộc cải cách GDĐH Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu trên thì một số nội dung nghiên cứu chính của dự án có thể bao gồm:

- Nghiên cứu các quá trình và cơ chế của nền GDĐH quốc tế hiện đại trong việc xây dựng nguồn nhân lực, theo khía cạnh đa dạng hóa chương trình đào tạo, phổ cập hóa đào tạo ĐH, mở rộng và tư nhân hóa đào tạo. Nội dung nghiên cứu sẽ tập trung vào 3 hướng chính: 1) Nghiên cứu quá trình xây dựng chính sách và hoạch định chiến lược; 2) Xác định xem trên những cơ sở nào của nền GDĐH là cần thiết khi đề ra các quyết sách; 3) Phân tích các hình thức quản lý và tự chủ của nền GDĐH hiện đại, để có thể lựa chọn ra những phương thức ứng dụng phù hợp nhất cho Việt Nam.

- Xác định hệ thống đào tạo nguồn nhân lực của một nền ĐH hiện đại mà trọng tâm hướng tới: 1) Xác định được những chuẩn chất lượng tối thiểu trong đào tạo ĐH; 2) Nâng cao và cập nhật những kiến thức và kỹ năng trong đào tạo ĐH; 3) Giới thiệu và ứng dụng những kinh nghiệm tốt nhất của một nền GDĐH tiên tiến vào Việt Nam, góp phần làm tăng nhanh quá trình xây dựng nguồn nhân lực và cải tiến cơ cấu trường ĐH, cần thiết cho quá trình cải tổ nền kinh tế kế hoạch tập trung.

- Tham khảo quá trình xây dựng các chương trình, đề cương và môn học của một nền ĐH hiện đại, để xem xét sự hợp lý, sự linh hoạt và khả năng đáp ứng với một nền kinh tế thị trường. Trọng tâm của nhiệm vụ này nhằm: 1) Xác định được các chuẩn chất lượng, sự đảm bảo chất lượng và nâng tầm các chương trình, đề cương và môn học; 2) Phân tích các chương trình và quá trình thiết kế và phát triển môn học; 3) Ứng dụng và chuyển giao một số chương trình và môn học, các phương pháp giảng dạy và học tập cũng như công nghệ của nền giáo dục hiện đại vào môi trường giảng dạy ĐH của Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu. Có thể áp dụng một số phương pháp tiếp cận sau cho đề án nghiên cứu nêu trên:

- Thu thập, khảo sát, nghiên cứu và phân tích các tư liệu liên quan đến GDĐH của Việt Nam và của nền GDĐH tiên tiến qua thư viện, websites, các chuyên gia,...

- Tham dự trực tiếp vào một số môn học của một nền giáo dục hiện đại, với những định hướng chính sau đây: 1) Triết lý của GDĐH, chính sách, kinh tế và tái cơ cấu GDĐH; 2) Xây dựng nguồn nhân lực và khả năng chuyên môn cho đội ngũ giảng viên; 3) Phát triển chương trình giảng dạy ĐH góp phần cho thay đổi của địa phương và cộng đồng.

- Phỏng vấn các giáo sư, cán bộ hành chính và sinh viên ở các mức độ khác nhau từ bộ môn, khoa, phòng ban và trường ĐH ở nền GDĐH của Việt Nam và của một nền GDĐH tiên tiến.

- Sử dụng phương pháp phân tích bài giảng qua băng ghi hình và lời (*Ethnographic research techniques: Non-participant observation*) góp phần phân tích các chương trình, nội dung môn học, cơ cấu tổ chức, cũng như cách thức thi cử của nền GDĐH hiện đại; nhằm xây dựng các phương pháp giảng dạy và kinh nghiệm sư phạm cho giảng viên.

- Thực hiện các phân tích so sánh về quản lý GDĐH tiên tiến với quản lý GDĐH Việt Nam, để lựa chọn những phương thức hiệu quả và phù hợp nhất có thể ứng dụng cho quản lý GDĐH của Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Valley T. J., Winkinson B., 2008: *Vietnam Higher Education: Crisis and Response* - <http://www.hks.harvard.edu/innovations/asia/Documents/HigherEducationOverview112008.pdf>; & United States Renews *Call for Education Public-Private Alliance Project Proposals*, April, 2009 - http://vietnam.usembassy.gov/press_releases_2009.html
- [2] World Bank, 2008: *Report of Vietnam - Higher Education*, Project No: ICR0000561, H.
- [3] World Economic Forum: *The Global Competitiveness Report 2014-2015*. www.weforum.org/gcr
- [4] Banh Tien Long, 2007: *Education flexible to the social demands in Vietnam: Situation and Solutions*. 1&2 - *Educational Studies*, 17, 2, 2-6; and 18, 3, 1-7 (in Vietnamese with English summary).
- [5] The Socialist Republic of Vietnam, The Government, 2005: *Primer Ministers' Decree 14/2005/NQ-CP on Higher Education Reform Agenda 2006-2020* (in Vietnamese).
- [6] Vu Ngoc Hai, 2006: *On the autonomy and accountability of Vietnamese educational colleges and universities*. Presentation at the International Forum WTO's Entry and Vietnam Higher Education reform, H.
- [7] Nguyen Kim D., Diane E. Oliver, Lynn E. Priddy, 2009: *Criteria for Accreditation in Vietnam's Higher Education: Focus on Input or Outcome? - Quality in Higher Education*, Vol. 15, 2, 123-134.
- [8] World Bank Vietnam, 2009 - <http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/NEWS.html>
- [9] Vũ Quang Mạnh (2011). *Đại học Sư phạm Hà Nội phát triển theo định hướng đào tạo đa ngành*. - *Đại học Sư phạm Hà Nội 60 năm xây dựng và phát triển*. NXB Đại học Sư phạm, tr 302-309.
- [10] Altbach G. P. 2005: *Patterns in Higher Education Development*, in P.G. Altbach, R. O. Berdahl, and P.J. Gumport (Eds.). *American Higher Education in the Twenty-First Century: Social, Political, and Economic Challenges*, (2nd Ed.). Baltimore: HE Johns Hopkins University Press.
- [11] Asian Development Bank (ADB), 2001: *Education and national development in Asia: Trends, issues, policies, and strategies*. Manila, Philippines: Author.
- [12] Emanuela di Gropello, 2007: *Vietnam - Higher Education and Skills for Growth*. Report at Higher Education Conference, World Bank, December.
- [13] Kaplan G., 2001: *Preliminary Results from the 2001 Survey on Higher Education Governance* - http://en.wikipedia.org/wiki/Governance_in_Higher_education
- [14] McMaster M., 2007: *Partnership between Administrative and Academic Managers: How Deans and Faculty Managers Works Together*. - *Association of Tertiary Education Management* - http://www.atem.org.au/downloads/doc/018_macmaster.doc